

BẢN LUẬN QUYỂN 93

Trên đây, có hai lựa chọn trước trong bốn lựa chọn của Khế kinh, đã nói xong. Dưới đây, thứ ba, nói về duyên khởi thực, lựa chọn giới đế, có văn bốn quyển, nói về bốn pháp này mà quyết định lựa chọn. Tự trung: 1- Kết trước, sinh sau. 2- Nêu tụng, trong giải thích bài tụng có hai: một bài tụng đầu, là tụng chung, nêu sáu môn để nói đế thực của duyên khởi. Sáu bài tụng rưỡi sau, tụng chung, dẫn ba môn kia, nêu, nói về lựa chọn giới. Sáu môn trước là:

1- Lập đẳng; 2- Hai đế đẳng; 3- Xúc là duyên đẳng; 4- Hữu diệt đẳng. Bốn môn này giải thích duyên khởi; 5- Nói về thực v.v... ; 6- Như lý; sau cùng v.v..., tức nói về bốn đế. Lại, dùng sáu bài tụng riêng để phân biệt. Trong bài tụng riêng đầu tiên, có mười môn: 1- Lập; 2- Nhóm khổ. Giải thích lại quán đế, tức là thứ ba, thứ tư; 5- Nhiếp Thánh giáo; 6- Trí vi; 7- Mé lo nghĩ, so lường; 8- Quán sát; 9- Mạn phẩm thượng; 10- Rất sâu xa.

Trong Văn xuôi, đầu tiên, giải thích, lập môn, trong đó, trước chia ra ba chương. Kế là, dựa vào chương để giải thích. Sau, là giải thích xong, tổng kết.

1/ Từ mé trước, mé giữa được sinh, nghĩa là từ mười nhân quá khứ sinh hai quả hiện tại.

2/ Từ mé giữa mé sau được sinh, nghĩa là từ mười nhân hiện tại sinh hai quả vị lai.

3/ Ở mé giữa sinh xong, chuyển biến theo và hướng đến thanh tịnh, nghĩa là ở hiện báo đó, hoặc còn tạo nghiệp trôi lăn trong vị lai, dứt trừ “hoặc” nghiệp, thú hưởng thanh tịnh. Đây là chia môn đã xong.

Căn cứ trong giải thích ở dưới, chỉ lập hai môn để giải thích:

1/ Giải thích từ mé trước, mé giữa được sinh và ở mé giữa sinh xong, trôi lăn nối tiếp nhau.

2/ Giải thích từ mé giữa sinh mé sau, hoặc hướng đến thanh tịnh.

Trong phần trước có bốn: 1- Hỏi; 2- Đáp; 3- Kết; 4- Nói sự khác nhau.

Hỏi: “Văn rất dễ hiểu, giải thích từ mười nhân của mé trước sinh hai quả ngày nay?” Luận sư Cảnh nói: “Nói là như có một đời trước chẳng phải thông minh cho đến “nghiệp, thân, ngữ, ý”, nghĩa là vô minh quá khứ tạo nên hành quá khứ. Do đây làm duyên, tùy nghiệp, Hành, thức: Do hành làm duyên huân tập phát ra hạt giống danh ngôn của chi thức cho đến qua đời cho đến “nối tiếp sinh nhân thức”, nghĩa là

thức ở đời trước đã bị hành huân phát, cho đến thân ở trước qua đời đến nay, chuyển biến theo mãi không dứt, có thể làm duyên cho thức nối tiếp nhau lần đầu tiên trong đời nay. Đây là thức của sinh báo ở trước, gìn giữ hạt giống danh ngôn ở chi thức, làm báo đầu tiên nối tiếp sinh, sinh nhân của thức.

“Xoay vẫn như thế”, nghĩa là hạt giống của thân thức ở trước có công năng dẫn sinh hạt giống của danh sắc. Hạt giống danh sắc dẫn sanh sáu xứ. Hạt giống sáu xứ hay dẫn sinh xúc. Hạt giống xúc dẫn sinh thọ, nên nói “lần lượt”, từ thọ sinh ái, ái lại sinh thủ. Ái thủ đã sinh, thấm nhuần hạt giống của hành trước và hạt giống thức v.v... để trở thành “hữu” cho nên ái trong, ngoài khi thức sinh quả, có thể làm giúp đỡ khởi hiện trước.

Trên đây là nói chung mười nhân của mé trước đã xong. Kế là, nói mé giữa được sinh, trong đó có ba:

- 1) Nêu chung thuật lại,
- 2) Thức và danh sắc lần lượt nương tựa nhau.
- 3) Giải thích xong, tổng kết.

“Đã chết đi, cho đến tùy chuyển không dứt”, nghĩa là chính nói về mạng của mé trước dứt, do mười nhân của mé trước, hai quả của mé giữa sinh già, chết, sinh. Đây là thuật lại.

Kế là, nói về nương tựa nhau: Gánh vác tất cả cho đến yếu đuối, già nua, đây là nói thức “duyên” danh sắc. Lại, tức lúc thức này sẽ nối tiếp sinh, cho đến vì chuyển sáu y, đây là nói thức từ nghiệp sinh. Lại dựa vào danh tiếng tức là danh sắc “duyên” thức. Do đây, nói là danh sắc “duyên” thức. Dưới đây, là nói về danh sắc, nghĩa là năm căn đều sinh (câu sinh) nói danh là sắc. Vô gián diệt v.v... nói danh là danh”, nghĩa là trong hiện tại, chủ thể dựa vào pháp tâm, tâm sở gọi là chung là thức. Đồng thời, năm căn là sắc. Niệm trước diệt, ý là danh ngôn, có thể làm chỗ nương cho sáu thức, nghĩa là Lại-da thuộc về ý thức. Cho nên, chỉ gọi là sáu thức, cũng có thể vì ở đây y cứ môn tùy chuyển lý, nên nói là Thức. Lại, căn của năm sắc căn dựa vào xứ căn đại chủng, đại chủng sinh các sắc, đây là lượt thứ hai, phát ra thể của danh sắc. Lượt giải thích ở trước chỉ lấy năm căn làm sắc. Nay, nếu chung cho năm sắc căn, bốn đại căn tạo, đại phù căn trần, thì gọi là chung là sắc. Và các danh khác, nghĩa là chỉ hiện tại chỉ tâm vương là thức. Thọ, tưởng, hành uẩn, và tâm trước diệt, bốn uẩn đồng thời, nói chung là danh, nên nói “và các danh khác”. Do thức kia gìn giữ mà có căn v.v... tùy ở trôi lăn nối tiếp nhau không dứt, đây là nói về danh sắc được gìn giữ làm

lưu chuyển y cho thức, không dứt mất. Hai thứ này được gọi là chung là “tùy chuyển y chỉ”, nghĩa là hai danh, sắc này gọi là chung, làm, y chỉ tùy chuyển cho thức”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “ Trong đây, giải thích về thể của danh, sắc có hai “lại nữa, trong đó, trước là, Đại, Tiểu thừa đồng thừa nhận chung. Sau, chỉ ở Đại thừa. Luận sư Đạt cho rằng hành thức tùy nghiệp, nghĩa là hạt giống, chi thức. Nếu y cứ ở văn này thì chi thức, cũng gồm thu trong nghiệp tập nhiễm, nhưng là hạt giống. Chi thức là danh ngôn huân tập hạt giống, chẳng có phần vị.

Chi thức hạt giống này, ba Luận sư các nước phương Tây giải thích không đồng; Ngài Hộ pháp nói bản, Thủy phủ. Ngài Hộ Nguyệt: nói chỉ có bản. Cả hai Luận sư đều nói: “Từ lúc vô thủy đến nay, danh ngôn đã được huân tập, huân tập hạt giống”.

Nói “Căn dựa vào đại chủng” Nghĩa là bốn đại căn tạo, đại chủng xứ căn: đại chủng tạo phụ căn, mà sinh ra các sắc, nghĩa là phụ căn trần v.v... Do đây nên nói “Đẳng tùy cận kiết” (kiết gần đẳng tùy).

Như thế, gọi là duyên khởi đẳng của mẹ giữa, mẹ trước.

Thứ ba, nghĩa môn trước của kết xa. Dưới đây, là thứ tư, nói cụ thể về sự khác nhau, có bốn:

- 1) Đối với Noãn, thấp để nói về sự khác nhau.
- 2) Đối với hóa sinh, theo thứ lớp, nói sự khác nhau.
- 3) Đối với Vô Sắc, theo thứ lớp, nói về sự khác nhau.
- 4) Y cứ ba nghiệp, để nói về sự khác nhau tìm văn sẽ hiểu.

Trong môn thứ hai, trước hỏi, kế là, giải thích:

“Sao gọi là các hành được sinh từ duyên khởi của bờ mẹ giữa?”

Đây là một câu hỏi.

“Thế nào là bất sinh do bất sinh, nên chứng được thanh tịnh?”

Đây là câu hỏi thứ hai:

Dưới đây, đáp theo thứ lớp:

Trong đáp câu hỏi đầu tiên, Luận sư Cảnh nói: “Rằng người kia sinh ở bờ mẹ giữa như thế, nghĩa là lãnh thọ nghiệp trước đã được hai quả:

- 1) Lãnh thọ quả Dị thực bên trong, nghĩa là sáu căn bên trong.
- 2) Lãnh thọ cảnh giới đã sinh ra quả tăng thượng của thọ, nghĩa là cảnh ngoài đã sinh quả của ba thọ. Đây là nhắc lại hai quả của mẹ giữa từ nghiệp của mẹ trước sinh.

“Người kia, do nghe pháp bất chính, nên cho đến “hữu” sau sinh khổ, đây là vì mê quả hiện tại, quả đương lai, nên khởi ngu si, “do mé

trước này cho đến tăng trưởng các hành”, nhắc lại mê trước, ngu Di thực nội hiện tại, gọi là vô minh mé giữa. Nhắc lại mé trước không thể biết rõ như thật, sinh khổ của Hữu sau ở đương lai gọi là vô minh mé sau. Do hai ngu này phát nghiệp gọi là hành tăng trưởng.

Nói “Do nghiệp mới này vì huân tập thức biến nên tùy nghiệp trong hiện pháp mà hiện hành. “Hành khởi” huân tập thức, dẫn sinh hạt giống của chi thức cho đến “phải biết rằng, thức này ở trong hiện pháp, chỉ là nhiếp thọ tánh nhân, sẽ sinh ra quả của các thức”, nghĩa là chi hành, đã dẫn sinh hạt giống thức, chỉ là nhân, chẳng phải quả.

Y cứ ở tất cả nối tiếp nhau làm danh, nói là sáu thức thân, nghĩa là nếu lần đầu tiên thọ sinh, vì chỉ là ý thức, nên y cứ nối tiếp nhau có sáu thức thân.

Lại” tức thức này cho đến ” lại vì theo đuổi hạt giống các thọ của hữu sau ở đương lai”, nghĩa là hạt giống của năm chi. Trước có thể dẫn sinh sau, sau theo. Ở trước.

“Phải biết rằng danh này cho đến ”vì các tự thể, kết lại chỗ nói như thế do quả dị thực ở trước ngu dẫn hậu hữu rồi”, kết bảy chi trước do vô minh dẫn dắt,

“Lại nữa, do thứ hai cho đến ” phát sinh tham ái v.v... ” nói ái, thủ có ba thứ nhân sinh ra, do thọ cảnh giới bên ngoài, phát sinh tham ái, ái tăng, gọi là thủ ái, thủ thãm nhuần chi hành ở trước. Và, hạt giống thức chuyển gọi là “hữu” là thuộc về nhân của sinh ở đương lai.

Trên đây, đã nói về mười nhân của mé giữa này. Dưới đây, sẽ nói do mười nhân của mé giữa này. lồi kéo đến hai quả của mé sau. Nghĩa là hữu vô gián này đã chết đi rồi, cho đến thọ là sau rốt, hiện tại chết đi, thức đương lai mới khởi, gọi là sinh bốn thứ như danh sắc v.v... Kế là già, chết.

“Năm quả như thế, hoặc dần dần, hoặc tức khắc” nghĩa là ba sinh thọ sinh, các căn khởi dần, hóa sinh thọ báo, các căn đủ ngay tức khắc.

“Như cho nên biết cho đến ” theo thứ lớp hiện ở trước”, kết do ba nhân, nối tiếp khởi báo sau.

“Phải biết rằng, trong đây, hoặc có nơi chốn, chỗ sinh hiện ở trước. Hoặc có hạt giống của nơi chốn theo đuổi, với thân của mé giữa khởi khắp vô minh, hành v.v... của chín địa. Bảy thứ nhân trước đối với chín địa kia, đã tạo ra bảy nhân, không thể thọ ngay, vì rơi vào báo của một địa, nên nói “hoặc có nơi chốn sinh khởi hiện ở trước. Bảy nhân của Bát địa còn lại chưa thành thực. Hoặc có hạt giống của nơi chốn theo đuổi, ba nhân của ái sau không được ở các địa đều khởi. Cần phải y cứ ở chỗ

bảy nhân thành thực ở trước, mới khởi ba nhân này.

“Như thế, mé giữa cho đến” các hành duyên khởi”, kết trong mé giữa, đầu tiên, do mê chấp vô minh, phát nghiệp. Kế là, do ngu thọ cảnh giới, nên sinh ái thắm nhuần nghiệp. Vì nhân duyên đủ, nên các hành của quả báo vị lai sẽ được sinh”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Đối với ba nghiệp nối tiếp nhau, để nói về chi thức, tức sáu thức thân. Nếu lấy bản thức, thì chẳng phải giáo Nhị thừa, nên luận rằng: “Tất cả nối tiếp nhau”, là ý ở đây. Lại, có thể ở trên vì y cứ ở chỗ vượt hơn, nên hạt giống trên bản thức, gọi là chi thức. Nếu trong xứ nối tiếp nhau, đã có các thức, cũng nói sáu thức gọi là chi thức. “Nếu trong hiện pháp, từ người khác nghe pháp” trở xuống, trong đáp câu hỏi thứ hai, Luận sư Cảnh nói: “Dưới đây, là nói về mé giữa vì thân khởi nhằm chán, trái ngược, nên ra hạnh thanh tịnh, nên nói: “Nếu ở hiện pháp, từ người khác nghe pháp, v.v...” Do vô minh, ái kia làm nhân, có thể tư duy đúng lý về hai thứ căn tánh.

1- Giải thích: “Là tánh của hai quả mé giữa, mé sau”. 2- Giải thích: “Sinh ở vị lai và già chết, chỉ tánh của hai quả.” 3- Giải thích: “chỉ là quả của một sinh. 1) Do nhân dẫn. 2) Do nhân sinh. Hai nhân đã khắc định, gọi là tánh của hai quả, đây tức quán khổ. Kế là, quán ba đế như Tập v.v... như văn.

Luận sư Đạt nói: “Có thể vô dư dứt trừ vô minh và ái”. Hỏi: “Vì sao nói riêng vô minh và ái ư?” Đáp: Có ba giải thích sau:

- 1) “Hai duyên khởi trước, sau”.
- 2) “Vì nhân dẫn ban đầu, vì nhân sinh ban đầu”.
- 3) “Vì vô minh diệt, nên được tuệ giải thoát.

Vì do ái hết, nên được tâm giải thoát.

Thứ hai, là giải thích nhóm khổ. Luận sư Cảnh nói: “An lập chín tướng, nghĩa là nhà giải thích rằng, ba phiền não mé giữa của mười hai chi. Hai nghiệp của chín chi còn lại là rễ của cây khổ. Bảy nghiệp khác là thể của cây. Ba phiền não chỉ là nước thắm nhuần, trong đó, đầu tiên nói về hiện thân tạo nghiệp, như cây khổ nhỏ, như cây mới trồng gọi là nhỏ, nghiệp hậu hữu do đời trước tạo ra gọi là cây lớn vì thời gian gieo trồng rất lâu.

Trong phần trước, trước, nói về phàm phu gây tạo, sau, nói về bậc Thánh trừ diệt. Trong phần Thánh trừ diệt trước là đối với các pháp hữu vị sinh diệt, khởi nhằm chán về dứt trừ, không có dục và “tiếp theo, giới diệt v.v... trở xuống. Ở vô vi khởi dục.

“Lại còn có một v.v... trở xuống, là nói về cây to khổ.

Đã sinh tự thể, nghĩa là được hiện báo.

“Các cái có trước cho đến “bị nổi khổ kia ràng buộc”, nghĩa là các nghiệp đã tạo trước, thuận với nghiệp đã tạo sau. Hạt giống theo đuổi ở trong thức, gọi là trói buộc.

“Cho nên tự thể kia cho đến “Như cây khổ to”, nghĩa là đục giống như nghiệp trước cảm hiện thân, đồng làm một rễ cây. Nếu nói nghiệp chưa thành thực và báo thân hiện tại chung là một cây thì báo riêng, cây riêng, không thích hợp nhau.

Nói “Tạo nghiệp ở trước, như rễ chắm thẳng xuống, ái hiện khởi v.v..., như tưới nước bên vệ đường, khiến cho cây được thấm nhuần, nghĩa là hai thứ “hoặc”, nghiệp so với rễ cây ở vị lai, là tức tương đương.

“Phẩm Bạch trong đây, như trước nên biết”, nghĩa là Bạch thánh trừ đoạn, như trước đã nói.

Thái Pháp sư nói: “ chín tướng gồm những gì? 1/ Vị ái hiện tại. 2/ Lưu luyến quá khứ; 3/ chấp mắc, trói buộc vị lai; 4/ Trụ như thế trở xuống; 5/ Thông minh này trở xuống; 6/ Khiến hậu hữu như thế, trở xuống; 7/ Nếu có học rộng trở xuống; 8/ Đối với dứt trừ, không có đục trở xuống; 9/ Làm hao hụt bớt nghiệp kia trở xuống.”

Dưới đây, hai lượt giải thích về quán đế, tức là hai môn. Lượt trước giống như y cứ ở bảy mươi bảy trí để giải thích. Lượt sau, giống như y cứ ở bốn mươi bốn trí.

Số dài của lượt trước là môn thứ ba.

Nói “Phải biết rằng, trong đây cho đến “Vì chẳng phải bất định”:
1/ Quán nhân tế; 2/ Quán nhân thô. Hai quán tìm kiếm văn này, vì ba quán chẳng phải bất định, đây là xét về quán nhân. Cảm nhân duyên sinh, cũng gọi là sinh nghĩa là ái, thủ có khả năng sinh, gọi là sinh, tức tự thể của sinh cũng gọi là cố là sinh, tức chỉ sinh. Sinh trước là tế, là nghiệp phiền não. Sinh sau là thô, nghĩa là quả báo thô. Già chết đương lai, sinh tế làm nhân, già chết hiện pháp, sinh thô làm nhân, nghĩa là một tướng này nói riêng.

“Thế nào gọi là chẳng phải không quyết định cho đến quyết định khác không có khả năng cho quả già chết”, đây là quán nhân của già chết.

Kế là so sánh, như quán già chết, phải biết cũng thế, nghĩa là so sánh sơ lược bốn chi như sinh v.v... Từ sinh đến ái, đều có hai thứ thô, về tế. Như thế, gọi là đến đạo lý duyên khởi. Nghĩa là luận tiểu thừa chỉ quán ở Tập. Nay, cũng quán khổ, nên biết rằng trong đây, thuận với pháp Tập đế, cũng như tìm đèn, nghiệp là thuận với tập, ái là chính tập,

tức tập đế này, ái như cao dầu v.v... Loại đèn khổ đế, nghĩa là lấy đèn tỏa ánh sáng, từ dầu, tim sinh. So với khổ đế từ nghiệp, “hoặc” sinh.

1- Chỉ làm cho mình, chẳng phải thực hành bình đẳng lợi ích, nói thẳng là người ngu chẳng phải ngoại đạo.

2- Lại có v.v... trở xuống, là ngoại đạo kia tự làm, bảo người đốt cháy ngọn lửa khổ lớn. Lướt sau, giải thích lại quán đế, tức thích hợp với số dài của bốn mươi bốn số, là môn thứ tư, Luận sư Cảnh nói: “Nói trước “duyên” mé sau cho đến “ái kia”, nghĩa là sinh vị lai với già, chết, gọi là chung là khổ đế. Ái, thủ, hữu là tập.

Nói “Quán sát như thế cho đến “Danh sắc và thức”, nghĩa là quán tập vị lai: ái, hữu, thủ. Ái, thủ có ba. Lại dựa vào các khổ của năm chi hiện tại. Thế vẫn trong đây chỉ làm ba tiết thô, nghịch để quán, không đồng với luận Tiểu thừa quán tế mười chi. Trong mỗi, chi, tạo nên bốn quán đế. Câu hỏi trở xuống, là kết.

Nói “Phải biết rằng, quán khổ vị lai trong đây, là thích hợp với khổ đế”, tức hai chi vị lai quán nhân Tập kia, là tương đương với Tập đế, tức quán ái, thủ, hữu. Quán tập khổ của đời vị lai, do đâu mà có? Nghĩa là tìm kiếm ái, hữu, thủ do đâu mà có? Biết do từ nghiệp tập trước đã sinh khởi thức làm bờ mé có khổ hiện pháp. Quán thọ đến thức, làm biên sau là đã sinh Tập của mé trước. Ba ái, thủ, hữu đều dựa vào Tập đó mà có. Đã biết từ tập trước mà sinh khởi, thì không nên quán lại ái, thủ, hữu này làm sao có? Đây là giải thích quán nghịch đến thức, không quán lý do của hành, vô minh v.v... trong quá khứ. Do ở trước đã tìm kiếm ba chi như ái v.v... biết do tập trước đã sinh ra khổ. Có tập trước tức là hành quá khứ với vô minh. Nay, không nên quán lại năm chi như thức v.v... làm sao mà có? Cho nên, quán ngược chỉ đến thức. Nếu y chỉ vẫn nói thức và danh, Sắc, xoay vẫn “duyên” nhau, các chi còn lại không như thế, trước có xoay vẫn duyên nhau cho nên, quán ngược ngang với thức mà thôi.

Luận Tiểu thừa, lại nói “Quán “hữu” tức đã quán “hành”, khi quán Ái, thủ, tức đã quán vô minh, nên không cần quán nữa.”

“Cho nên, Thế tôn v.v...” trở xuống, là dẫn thuyết để chứng thành. Lại, vì lần lướt quán chỗ nương tựa của Tập đế mé sau kia, tức quán năm thức v.v... chỗ nương tựa của khổ đế phía sau. “Phải biết rằng, tức là Tập đế của mé sau”, quán chỗ sở y của khổ mé sau tức là ái v.v... cho đến sau thức lại thuận với trên, nghĩa là quán thọ đến thức, là chỗ nương tựa của tập mé sau. Lại, thuận với quán ái, thủ ở trên, có ba là chỗ nương tựa mé sau, nên không qua thức mà quán hạnh v.v...

“Thuận, nghịch như thế v.v...” trở xuống, là quán thuận với diệt đế. Bắt đầu, từ già, chết, vào ngược, sau cùng cho đến vô minh.

“Vì sao v.v... ? trở xuống, là giải thích về đạo nhập lý, do quán hiện tại, làm sao được diệt? Nghĩa là không tạo tác vô minh, phát khởi hành mới, nên với khổ hiện tại, thức v.v... liền diệt.

“Như thế, trải quán ba Thánh đế v.v... trở xuống, kể là quán đạo đế, tìm kiếm diệt này, đạo nào có thể chứng?

Do như trước đã nói: “Túc trụ tùy niệm v.v... cho đến “Khiến hiện ở trước”, nghĩa là dựa vào niệm trụ đời trước” nhớ lại thời gian xưa. Vì cầu dứt hết lậu, nay ta trước dùng chánh kiến thế gian, như Thánh giáo mà tu, tất nhiên, sẽ chứng được đạo mà các tiên ngày xưa đã qua.

Như thế, chỉ dùng tác ý thế gian trải quán bốn đế. Kể là nhập hiện quán, thọ đạo Vô học”.

Luận sư Đạt nói: “Phải biết rằng, trong đây v.v... trở xuống, là giải thích về hàng phục chung vấn nạn, ý nạn: “Vì sao Bồ-tát cho đến chi thức, không chung với chi hành và chi vô minh ư? Trong chung có hai “Lần lại nữa”: “Lại nữa” đầu ý Bồ-tát khi mới tu hành, trước là quán các khổ già, bệnh v.v... Kể là tìm kiếm nhân của tập tức là nói “từ ái, thủ, hữu quá khứ mà sinh. Ba thứ này lại từ đâu sinh?, vì từng đã quán tập, chỉ đến chi thức, mà trở lại trên.

“Lần lại nữa” thứ hai, lại vì lần lượt v.v... trở xuống, là trước quán khổ đế của mé sau. Sau đó, tìm kiếm nhân của khổ đó, tức là thủ, hữu, ái trong mé giữa, Tập đế của nhà khổ mé sau. Tập đế kia lại từ đâu sinh? Lại từ năm quả hiện tại sinh. Trong đây đã quán khổ đế và nhân của khổ đó. Lại nữa, đã quán tập đế và nhân của Tập. Vì nghĩa nhân quả cùng khắp, nên không còn quán chi hành và chi vô minh. Bản địa trước và Tiểu thừa nói đồng với Luận sư Cảnh trích dẫn. Thuận nghịch như thế trở xuống, nói Diệt, Đạo quán mười hai chi. Hỏi: Vì sao trong quán khổ tập ở trước chỉ đến chi thức, trong quán diệt đạo này lại quán cả mười hai chi? Đáp: Ở trước nói phần khởi tác chỉ quán mười chi, ở đây nói phần tịch diệt quán cả mười một chi, vì muốn diệt trừ nghiệp báo phiền não sanh tử, trong đó, vô minh hành là gốc lớn nhất của sanh tử, trong phần vắng lặng là quán chung mười hai chi, lại trong phần khởi tác quán ngược mười hai chi, trong phần vắng lặng quán thuận mười hai chi, do vô minh diệt nên hành diệt, cho đến vì sanh diệt cho nên già chết diệt, vì thế nói là quán thuận nghịch. Trong đây có hai: Một là y cứ hữu lậu chánh kiến để nói về quán Bốn đế, hai là dùng chánh kiến trở xuống, y cứ chánh kiến vô lậu để nói về quán Bốn đế, vì nghĩa này nên

trở xuống là giải thích rộng cú nghĩa trong kinh. Thứ năm là giải thích nhiếp Thánh giáo, đầu tiên là chia làm ba chương môn, kế là giải thích riêng. Thứ ba lại trước chứa nhóm trở xuống: là giải thích rộng các câu trong kinh, nói từ khổ mé sau cho đến thức duyên gọi là sắc, v.v... bảy chi trước là khổ tập mé trước, thức và danh sắc xoay vần nương nhau, thí như bó lau, nói y cứ nghĩa bậc nhất, đều là vô sở hữu: là y cứ lý biến kế sở chấp thật có tác dụng rốt ráo vô sở hữu. Thứ sáu là giải thích trí vi tế, cho rằng đối với ngoại đạo giải thích xoay vần đệ tử của bậc Thánh có khả năng biết rõ vi tế, gọi là vi trí. Ngoại đạo quán thân tuy trụ lập đã lâu mà có sanh tử, có lấy bỏ, biết là vô thường, tánh nhàm lìa dục, không biết niệm niệm sanh diệt vi tế, chấp nhất định khởi ngã, cho đến lìa dục của xứ vô sở hữu mà vẫn có ngã kiến đeo đuổi, vẫn gọi là chưa được giải thoát, vì đối với duyên sanh không khéo léo. Các đệ tử của bậc Thánh đã được khéo léo đối với duyên khởi, chỉ quán tánh vô thường nhỏ nhiệm của bốn đại nếu chưa thì quán thức là tánh vô thường, dưới đây là giải thích lý do của sắc thân bốn đại, vì thân bốn đại trụ qua thời gian lâu, như ngọn núi lớn, v.v... niệm niệm vô thường của thức được hiển bày thô, rất dễ biết, sát-na dễ thoát, tánh vô thường của thức tuy là hiển bày thô nhưng lại gọi là rất đối vi tế, tánh nó khó biết, chỉ có tuệ nhãn mới thấy được, các đệ tử của bậc thánh lại muốn ngộ nhập tánh vô thường của thức. Trước quán năm thọ, vị trước sau chia ra, kế lại ngộ nhập tánh vô thường của thức. Thứ bảy là giải thích mé tư lương, trong đó trước nêu hai thứ ba tên: một là ba tướng, hai là ba đời. Lại thứ lớp giải thích, luận sư cảnh nói: Khổ y của nội thân là các chỗ khổ y như lạnh, nóng, v.v... bên ngoài là chỗ thọ khổ y thuộc về cha mẹ, thân thuộc, bạn bè, v.v..., là các khổ cung kính đứng hầu, cầm dao gậy, v.v... để phòng vệ, v.v... vì sao? Vì như trước trong khổ y của nội thân ở trước, vì sao? Vì có lý do này nên đối với thân sở y kia được sanh, các văn như thế nên nói trong đây, hai thứ y dụng nhiếp thọ ái để làm nhân của các khổ kia. Ở đây là giải thích về nhân duyên của khổ thứ hai. Lại tức ái này dựa vào cảnh sắc màu nhiệm để làm nơi nương tựa v.v... Tức là nỗi khổ thứ ba. Gọi là thú hưởng cái chết, nghĩa là hưởng đến sống chết, bờ mé giữa này.

Hoặc thấy, hoặc biết hai thứ ngôn thuyết, là dựa vào hiện lượng, nghĩa là nhãn thức hiện thấy, gọi là hiện lượng. Năm thức đồng thời với ý thức, ý thức ở định, tử thiết thân thức lấy cảnh, gọi là biết hiện lượng. Do hiện lượng này thấy, biết cảnh giới. Về sau, khởi ngôn thuyết, cho đến khi nói, trở lại cộng tướng, cảnh giới của tử lượng.

Nếu giáo biết ngôn thuyết là dựa vào tỉ lượng, nghĩa là ý địa phát họa lơ mờ, khởi ra ngôn thuyết, dựa vào Chí giáo lượng, thì về mặt đạo lý, nhĩ thức nghe tiếng cung là hiện lượng, vì khác nhau nên gọi là nương tựa Chí giáo lượng.”

Thái Pháp sư nói: “Vì văn trong kinh rườm rà nên chỉ nêu văn sau. “Nổi khổ phòng vệ, cầm dao, gậy, cung phụng, hầu hạ cha, mẹ v.v... để làm văn của biên sau.”

Luận sư Đạt nói: “Nói kia được sinh, nghĩa là nổi khổ được sinh. Nói nhiếp thọ y, nghĩa là cha mẹ này vì nhiếp thọ thân ta, nên nói nhiếp thọ khổ y”, nhưng ta đã có chỗ nương tựa của nổi buồn rầu, than thở v.v... tức cha, mẹ v.v...

Nói “Hai thứ nương tựa này”, nghĩa là: 1- Thân mình; 2- Cha mẹ v.v... chẳng phải chỗ nương tựa của khởi ái.

Nói “Các sở hữu v.v...” trở xuống, giải thích môn ba đời.

Nói “Do nghĩa thứ nhất gọi là hưởng đến cái chết”. Nghĩa là ái này là gốc hưởng đến cái chết bậc nhất, nên nói “nghĩa thứ nhất”.

Lại, “Tức y chỉ v.v...” trở xuống, là nói rộng về các câu nghĩa trong kinh.

Thứ tám, là giải thích về quán sát duyên khởi. Do năm thứ tướng:

1. Sinh khởi: Tức quán phần sinh khởi.
2. Quán diệt: Quán phần diệt.
3. Biết rõ hành tướng đến diệt.
4. Hành như pháp.
5. Chứng lia tăng thượng mạn.

Dưới đây, là trong giải thích, hợp giải thích bốn tướng trước, giải thích riêng tướng thứ năm.

Trong giải thích bốn tướng trước có hai lần “Lại nữa”.

Nói “bắt đầu từ vị lai cho đến “Tu tập chánh hạnh”: đây là đầu tiên giải thích chung. Dưới đây là giải thích riêng. “Nói là do hai tướng, quán sát vì nhân đương lai “có”, nên quả “có” đây là giải thích tướng ban đầu.

Vì nhân là không, nên quả không: là giải thích tướng thứ hai.

“Đã quán sát xong, thông suốt nhân là không do tu chánh hạnh”: là giải thích tướng thứ ba.

“Đã thông suốt rồi, tùy tu hành nhân chính, pháp tùy pháp hạnh”: Giải thích tướng thứ tư.

“Lần lại nữa” thứ hai, là giải thích: “Lại, chánh quán sát ở trong

hiện pháp cho đến “quả thức v.v... là có”: là Giải thích tướng thứ nhất.

“Vì kia chẳng thật có, nên đây cũng chẳng thật có”: là giải thích tướng thứ hai.

“Đã quát sát xong, thông suốt như trước và tu hành chân chính”: là giải thích tướng thứ ba.

“Lúc tu hành chân chính, không tạo vô minh trở xuống, là giải thích tướng thứ tư.

Pháp thuyết, dụ thuyết. Có hai thứ dụ, xem văn, y cứ pháp, nói về dụ. Pháp dụ hợp nói. Như có một cái hũ, trước đó đã bị nung nóng, rồi vào chỗ mát. Thân người tu hành này, trước đây đã bị phiền não đun nóng. Về sau lìa phiền não (mát mẻ), cái gọi là Niết-bàn, chỗ thường, hằng trụ, nghĩa là sáu hằng trụ.

“Thế nào là ở chứng đắc lìa tăng thượng mạn”, trở xuống, vừa giải thích tướng thứ năm. Đối với thắng nghĩa đế, không có người trôi lăn và không có người chứng đắc Niết-bàn, chỉ có nhân sinh quả, sinh diệt, quả diệt.

Thứ chín, là giải thích về tăng thượng mạn. Đầu tiên, là nêu hai mạn. Kế là giải thích riêng, sau là phân biệt chung.

“Hai thứ như thế trở xuống, Luận sư Cảnh nói: “Lại, khi dựa vào thuyết của bậc Thánh nói mà khởi nói cho đến “Giác biết như thật, phát khởi hoài nghi”, nghĩa là đã nói đủ duyên khởi của tánh “không”, không thể biết rõ, không tùy ngộ nhập là hai nhân duyên. Nhân duyên ngữ thông suốt, như nói “Từ nghe âm thanh người khác và chánh tư duy”. Do hai nhân này, mà chánh kiến được sinh. Trong đây cũng thế. Lại, đối với Vô học, người tăng thượng mạn, phải biết quyết định, trước khởi tăng thượng mạn đối với hữu học, cho đến nhanh chóng được xa lìa, không đồng với luận Tiểu thừa nói “Người học kia đối với bậc Vô học ở trên, cũng khởi tăng thượng mạn thô.

“Nói ba tướng tương ứng với thể tánh khác nhau của hữu vi”: Ba tướng hữu vi: là sinh trụ, diệt khác nhau. Không có sinh không có diệt không có trụ, dị là ba tướng vô vi”.

Luận sư Đạt nói: “Nói hai thứ như thế”: 1- Khởi mạn đối với trên học. 2- Khởi mạn đối với Vô học.”

Nói “Dựa vào duyên khởi”, nghĩa là ta đã thông suốt tướng duyên khởi.

Nói “hoặc nương tựa Niết-bàn” nghĩa là ta đã chứng được quả Niết-bàn.”

Nói “Do hai thứ nhân này”, tức hai mạn ở trước. Ngôn và duyên:

Lại là hai mạn trước.

Thứ mười, là giải thích môn rất sâu. Nếu theo Luận sư Cảnh lấy phần văn giới hạn, thì một lượt hỏi, đáp ở trước, là nói về môn rất sâu, nghĩa là từ câu “Thế nào là như trước, bậc Thánh nói rất sâu v.v...” trở xuống.

Lại nữa, “Bản tánh duyên khởi v.v...” trở xuống, là giải thích lại “rất sâu”. Luận sư khác, phần nhiều phán quyết văn trước thuộc về môn thứ chín.

“Bản tánh duyên khởi v.v...” trở xuống, là môn thứ mười. Nay, theo phán quyết đa số. Trong văn, trước lược, sau rộng. Trong rộng: 1-Nêu, bốn tướng; 2- Giải thích; 3- Kết.

Trong giải thích tức có bốn đoạn. Trong giải thích về tướng đầu, nghĩa là “dựa vào quán sát đạo lý của Thánh để cho đến “Có thể tánh của duyên. Nghĩa là như quán Bốn đế, trước khổ, sau tập, giống như quán duyên khởi: Bắt đầu từ già chết, quán nghịch đến thể tánh của mười chi thức “duyên” danh, sắc.

Nói “Rằng có nhân duyên ở trong đây, vì sinh chưa dứt mà có sinh sinh”: 1- giải thích: “Chi hữu, gọi là nhân duyên sinh, vì chưa dứt hẳn, mà có chi sinh ở vị lai được sinh.

2- Giải thích: “Ái, thủ có ba chủ thể sinh, chi sinh, gọi chung là sinh trước, chi sinh vị lai, gọi là sinh sau.

“Như nói chi sinh, như thế, chi hữu, chi thủ, an lập v.v...”, nghĩa là so sánh giải thích chi hữu, chi thủ, chi trước làm nhân, chi sau làm quả.

“Không có dục tham khác nhau, gọi là thủ v.v...”: Thể của tham không có bốn, vì tùy theo cảnh, được chia làm bốn.

“Chi ái như thế v.v... trở xuống, là giải thích về chi ái “hoặc cầu cửa dục, phát nghiệp cho đến “Phải biết quy thú, phi ái”, nghĩa là vì cầu năm dục bên ngoài, cho nên phát nghiệp. Vì cầu căn hữu bên trong, nên phát nghiệp. Nêu ái, ý lấy đồng thời với vô minh phát nghiệp, cũng có thể nói thãm nhuần, gọi là phát. Như hai nghiệp này đã có các ái. Phải biết rằng quy thú, thọ ái, phi ái, nghĩa là nhân ba thọ mà khởi ái. Luận sư Cảnh nói: “ v.v... đều giải thích như thế.

Lại, có một giải thích: “Hoặc cầu cửa dục, nghĩa là cõi Dục. Hữu môn nghĩa là Sắc, Vô Sắc”.

Lại, ái này do cống sáu xứ mà khởi vô minh xúc sinh thọ. Thọ này làm duyên sinh ái. Nếu, ở đây nói xúc chẳng phải minh, vô minh, thì thọ do xúc sinh ra, không thể sinh ái.

2. Lại thọ này đều dùng xúc tương tự làm duyên cho nó, nghĩa là

xúc khổ, sinh khổ thọ v.v... xúc hữu lậu, sinh thọ hữu lậu v.v...

3. “Lại thế nào? cho đến Xúc có đối”, Luận sư Cảnh nói: “Nói xúc chỉ ở ý địa. Nhân ý địa này có thể thêm ngôn thuyết, gọi là tăng ngữ. Rất dễ hiểu xúc vô minh và xúc trong xứ đều có cả sáu thức, mà vì theo phần nhiều, nên nói xúc vô minh là tăng ngữ, xúc trong xứ gọi là “hữu đối”. Về lý, thật sự xúc ở trong xứ ở ý địa, cũng gọi là tăng ngữ. Xúc vô minh ở năm thức, cũng gọi là đối”.

Luận sư Đạt nói lại lời Tam Tạng Pháp sư rằng: “Vô minh này vì hoàn toàn phân biệt khởi, nên nói là Tăng ngữ xúc. Tăng ngữ xúc, vì xúc hoàn toàn tương ứng với ý thức. Vì sao? Vì ý thức có công năng duyên danh, vị câu, chẳng phải năm sắc “duyên” tăng ngữ, là danh, vị, câu. Vì sinh thêm ngôn ngữ, nên nói trái với đây là xúc có đối. Xúc có đối hoàn toàn ở năm thức”.

Hỏi: “Nói vô minh trái với trước, vì trong chẳng phải minh, cũng có pháp hữu lậu thiện v.v... đã khởi không có xúc trong ý thức, vì sao hoàn toàn nói rằng xúc có đối ư?”

Tam tạng Pháp sư giải thích: “Vì đối với minh, vô minh ở trước, nên hoàn toàn nói là xúc có đối. Nếu y cứ nhất định thật, thì cũng có tăng ngữ xúc”. Đại ý đồng với giải thích của các luận trước.

“Trí văn, tứ, tu hoặc chánh, hoặc tà, tương ứng với các danh, dùng làm duyên kia”, nghĩa là “duyên” giáo pháp khởi. Xúc có đối thuộc trong xứ, dùng căn trong, trần ngoài làm “duyên”. Như thế gọi là chung là danh, sắc “duyên” xúc. Lại, danh sắc này đối với hiện pháp cho đến “không tan rã”, nghĩa là thức “duyên” danh sắc.

Lại, “Tức thức này nối tiếp sinh v.v... ” trở xuống, là nói về danh sắc “duyên” thức.

“Nên biết rằng, nghiệp trước đã dẫn v.v... ” trở xuống, kết danh sắc và thức lần lượt nương tựa nhau.

Phải biết rằng, thức “duyên” danh sắc để làm biên sau cho đến “Có thể tánh của duyên”, nghĩa là năm chi hiện tại là mé trước, quán nghịch thọ sau già chết, cho đến thức duyên danh sắc, để làm biên sau. Như ở trước quán già, chết vị lai kia làm nhân của chúng. Quán nhân v.v... sinh của hữu vi, già, chết, hiện tại cũng thế.

Xúc làm nhân cho thọ, sáu xứ làm nhân cho xúc. Danh sắc làm nhân cho sáu xứ. Thức làm nhân cho danh sắc. Hoặc xoay vẫn làm duyên, nên nói “Như trước đã nói, tùy theo pháp thích ứng với chúng, có thể tánh của “duyên”.

Giải thích môn thứ hai, trong vô ngã đối với biết vấn nạn, rằng,

nên biết là con đường: Ngữ ngôn là con đường sở y của Câu, vị. Học rộng là vua trời của phương Bắc. Giữ nước là phương Đông. Tăng trưởng là phương Nam. Mất xấu là phương Tây. Tiếng Phạn nói Tô-Lộ-Đà-La. Đời Đường gọi là “Cực Hiền Thiện”, rằng Tất-Đạt-Đa, đời Đường rằng “Tất cả nghĩa thành”, là tên của Thái tử.

Trong giải thích tướng thứ ba, rằng “Nói là như ngoại đạo cho đến “Làm thọ giả tánh giả, chấp “thọ” là “ngã” làm người hay “thọ”, nghĩa là phân biệt có ngã, khởi kiến, lập bày.

2. “Ở cõi Dục đã được ly dục cho đến ” rằng, tức là pháp có thọ”, nghĩa là ngã có thể lãnh thọ v.v...

3. Ở tịnh lự thứ ba trở lên, không khổ, không vui, các thọ vi tế, không thể thông suốt, phân biệt có ngã.

Như thế, tất cả sanh khởi ngã kiến, đều không hợp lý, đều chẳng phải ba môn trước.

“Vì sao? v.v... trở xuống, là phá riêng ba chấp.

“Vì ba thứ thọ v.v... trở xuống, là phá môn đầu.

Lại, ở tịnh lự thứ tư trở lên, đều không có lạc thọ, cũng không có người hay cảm thọ vui. Đối với niềm vui chấp ngã, ngã cảm thọ về niềm vui, là không hợp lý, là phá môn thứ hai.

Lại, “Đối với tịnh lự thứ tư trở lên, định, Vô sắc, ngã chấp kia lẽ ra không có giác thọ”, là phá môn thứ ba.

Kế là ở bốn thiên trở lên, xả thọ tế dãn, vì không thể biết, tức chấp ngã, chẳng phải thọ giả.

Nay, phá rằng: “Bốn thiên trở lên. “Ngã” chẳng phải thọ giả. Nếu vậy thì ngã chấp kia lẽ ra không có giác thọ. Nếu không có giác thọ thì đối với vắng lặng, do các duyên khởi rất sâu, cho nên sinh chấp giả dối như thế.

“Học rộng pháp nội” v.v... trở xuống, là nói dựa vào chánh pháp, đệ tử lìa ngã kiến trước. Nếu có người hỏi rằng: “Sau diệt độ, đức Như lai “hoặc” “không”, đều không thọ ký.”

Hoặc có người cho rằng, nói là không biết, hay là người không biết? Nếu cho rằng không ghi nhận là vô ký, là người không có biết, là rất không có trí, là bình đẳng. Dù do tục, đạo, lìa dần ràng buộc, cho đến Hữu Đảnh, tùy miên chưa dứt trừ. Lại, đối với các kiến, chưa dứt trừ, chưa hàng phục, gọi là lìa trói buộc hữu tình mà có ràng buộc.

Trong giải thích tướng thứ tư, Luận sư Cảnh nói: “Sao gọi là trói buộc có hữu tình mà lìa ràng buộc cho đến “Lại, ở cõi dưới kia, nối tiếp sinh Thức xứ” nghĩa là người ngoại đạo do chấp có ngã trụ nơi bảy xứ,

đọa lạc vào bảy thức trụ, sinh ba đường ác dưới. Nay, đệ tử bậc Thánh không chấp ngã trong bảy thức trụ, không nối tiếp bảy thức xứ, thọ sinh ở đường ác dưới.

“Lại nữa, sinh khởi thức xứ kia cho đến “Thành A-la-hán v.v...”: Nay, nói thức xứ, tức là bảy thức trụ. Hai xứ tức là Phi tướng, kể cả đường ác. La-hán hiện thân dù có già, chết, nhưng vẫn gọi là đối với già, chết kia được lìa trói buộc”.

Luận sư Đạt nói: “Về sau, ở cõi dưới kia, nối tiếp sinh lên thức xứ, nghĩa là ở bảy thức trụ dưới, cái gọi là ba ác đạo. Lại nữa ở cõi đó, sinh khởi thức, nghĩa là Đệ tử thiên và Phi tướng. Hai xứ này chẳng phải chỗ mà thức ưa trụ. Xứ kia ở thức trụ, nghĩa là xứ của bảy thức trụ. Và, ở hai xứ: 1/ đường dữ; 2/ Định thứ tư và trời Phi tướng. Có trói buộc hữu tình mà lìa ràng buộc: Các đệ tử bậc Thánh trong địa vị của đạo tư lương, đạo Phương tiện, đã hàng phục ngã kiến, nên nói là “Lìa trói buộc”. Nhưng chưa lìa sự trói buộc của tùy miên, nên nói có trói buộc, không thể biết rõ, nên nói là khó biết rõ”.

Thứ hai, môn Đại. Giải thích hai đế bằng nhau, bài tụng nêu bảy môn:

1. Dị (khác).
2. Thế tục, thắng nghĩa.
3. Pháp nhĩ.
4. Tác đẳng này.
5. Đại thông.
6. Phân biệt.
7. Tự làm ác.

Trong giải thích của văn xuôi:

1. Giải thích môn “khác”: Nói “Hai thứ phiền não căn bản: Vô minh và Ái.

2. Giải thích hai đế, đầu tiên là nói chung Bậc thánh vì hiểu rõ hai đế, nên không khởi chấp ngã. Kế là, nói riêng về sự khéo léo của hai đế.

Nói “Cũng đều tạo tác có nghĩa tốt đẹp”, nghĩa là đều tạo nên nhân thiện mà có nghĩa quả.

3. Lại, đối với Thức, xúc, thọ v.v...” trở xuống, là giải thích rộng các câu trong kinh. Luận sư Cảnh giải thích: “Lại, đối với thức, xúc, thọ, tướng, tứ, thân trải quán là khổ, nghĩa là sơ lược, không nêu danh sắc, sáu xứ. Vì do tập nhân, nên như nhân kia nhóm hợp, nghĩa là khổ cũng tập khởi. Do nhân diệt nên như diệt kia đã diệt. Vì do tận sở hữu, nên

theo thứ lớp đó: Ở trước nói: “Do địa định, thế gian tác ý tu tập. Nhân duyên v.v... tác ý như thế, tức là do tận sở hữu. Nay khi nhập hiện quán của Thánh đế, tức là tánh như sở hữu. Lại, Tuệ hữu học, gọi là tuệ mẫu nhiệm xuất một nhập thế gian. Nghĩa là ra đời và mất đi trong sinh tử. Thái Pháp sư nói: “ các đệ tử bậc Thánh Đối với các duyên khởi, khéo học rộng, biết rõ đạo lý của hai đế thế tục, thẳng nghĩa nói là tên khác của Trí. Nghĩa là một kiến thiện, cho đến tuệ của mười Quyết trạch.”

Thứ ba, là giải thích pháp nhĩ. Luận sư Cảnh giải thích: “Do hai nhân duyên cho đến “Vì các đối tượng trôi lăn”, nghĩa là thể của duyên sinh, chỉ cho thể tánh của một vật có thể khởi, vì đợi duyên mới khởi, nên gọi là duyên khởi. Vì nhờ duyên mà sinh, nên gọi là duyên sinh”, lại, giải thích “Nhân là duyên khởi, quả là duyên sinh, rằng, vô minh là duyên khởi, hành là duyên sinh v.v... đối với pháp duyên sinh, duyên khởi, kiến lập hai phần, nghĩa là vì như đối tượng trôi lăn, vì các đối tượng trôi lăn. Dưới đây là giải thích về hai phần:

Trong đây có mười hai chi, như sự thích ứng, xứng lý với mười hai chi đó, trôi lăn theo thứ lớp của nhân quả, tức giải thích “Như sở trôi lăn”. (Như đối tượng trôi lăn). Lại, thứ lớp nhân quả hợp lý này, từ lúc vô thủy đến nay, lần lượt an lập, gọi là pháp tánh. Hiện tại, gọi là pháp trụ, quá khứ gọi là pháp định, đương lai gọi là pháp như tánh v.v... Đây là giải thích các sở trôi lăn.”

Luận sư Đạt nói: “Đạo lý duyên khởi trong đây, “có” “không” tánh, tướng của Phật tánh, vì thường trụ nên nói là pháp nhĩ. Có hai nhân duyên:

1. Như sở trôi lăn. Nghĩa là duyên khởi.
2. Các sở trôi lăn, nghĩa là duyên sinh.

Hai thứ khác nhau:

1. Nhân “năng sinh”, nghĩa là duyên khởi.
2. Quả “sở sinh”, nghĩa là duyên sinh.

Trên đây, là giải thích chung về duyên khởi.

“Phải biết rằng v.v...” trở xuống, giải thích riêng về sai khác. Lại, “Hợp lý này v.v...” trở xuống, là giải thích tên riêng của pháp nhĩ trong kinh.

Lại, hai thứ, khéo léo: 1- Hai thứ nhân, quả; 2- Hai đế, khéo léo Chân, tục.

Thứ tư, là giải thích tác v.v... ở đây: 1- Do nhân, quả hệ thuộc nhau, vì một, nghĩa là giải thích chẳng phải tạo tác khác, chẳng phải thọ khác. 2- Vì tác giả, thọ giả khác, không thật có, người chủ làm và thọ

không thật có”.

Thứ năm, giải thích Đại “không”. Luận sư Cảnh nói: “Bổ-đặc- già-la vô ngã v.v...” đến “Vì không thật có, nghĩa là lia hành của duyên sinh không có thật ngã.

“Pháp vô ngã cho đến “Vì vô thường”, nghĩa là môn này là hành chẳng phải ngã, gọi là vô ngã hành. Ở trước y cứ ngoài hành không có nhân, gọi là “không hành”. Nhưng trong văn nói pháp vô ngã, nghĩa là tức tất cả các hành duyên sinh, chẳng phải chân thật có, trừ nghĩa của pháp đó, gọi là pháp vô ngã, cũng có thể sau không, thì pháp không có nhân, gọi là pháp vô ngã. Trước, nói ngoài hành không có nhân, gọi là Bổ-đặc-già-la vô ngã. Sau, giải thích văn thuận mà biết chân như, gọi là tánh không có trái ngược: tức trí vô phân biệt.

Thứ sáu, là giải thích phân biệt. Do hai nhân duyên, phải biết rằng, lập bày tất cả duyên khởi, nêu chung giải thích riêng:

1. Tánh như sở hữu.

2. Tánh tận sở hữu, nghĩa là như hai môn này, hoặc chỉ y cứ vào nghĩa chân như để nói, ở đây chỉ y cứ ở hành. Kế là, nói về hai môn này. Hoặc về lý, là sự như sở hữu, hay tận sở hữu?

Nay, trong văn này, chỉ y cứ ở sự để nói: Nhân, quả tương xứng của vô minh, hành v.v... gọi là như sở hữu. Lại, vô minh này “Duyên” các thứ khác nhau như hành v.v... đều tận cùng phân biệt, gọi là tận sở hữu.

Thứ bảy, là giải thích tự tác. Luận sư Cảnh nói: “Thọ thuộc về thọ mà ái sở đắc nhiếp. Thọ, cũng không hợp lý”, nghĩa là khát ái cũng là sự mong cầu. Nói thọ không tự mong cầu, tự sanh thể của thọ, cũng là thần ngã nhiếp thọ lãnh người khác”. Luận sư Đạt nói lại lời Tam tạng Pháp sư, dựa theo Thích Luận để giải thích: “Vì do tập hỷ, nên tập thọ như trước. Như trước, nghĩa là các pháp ở trước, vì không có tác dụng thật, nên chúng không tự tạo tác, nhiếp thọ người khác, nghĩa là không có “ngã”, “thần ngã”, nhiếp thọ của người khác thọ thì không hợp lý, vì không có thần ngã, cho nên Thích Luận chỉ rõ rằng: “Cũng như trước đã nói. “Như trước, nghĩa là vì không có thần ngã, nên không có người khác tạo tác. Ba thứ trước là Ác nhân luận biên.

1. Tự mình làm.

2. Người khác làm.

3. Cả hai đều tạo tác, vì đều không hợp lý, nên có luận nhân ác. Một thứ sau là Vô nhân luận biên, thành bốn trường hợp sinh vô nhân.